TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KỲ SƠN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lầu Bá Chò;
Ông Trần Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Già Bá Lầu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vương Quốc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 37/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024 đối với:

1. Bị cáo: **Bùi Văn T**; tên gọi khác: không; sinh ngày 30/10/1974 tại huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và Bùi Thị H (Đều đã chết); có vợ: Lô Thị N và 03 (Ba) con; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo Bùi Văn T bị tạm giữ từ ngày 14/10/2024 đến ngày 20/10/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.

2. Bị cáo: **Lê Xuân L**; tên gọi khác: không; sinh ngày 26/10/1978 tại huyện T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân Đ (Đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có vợ: Trần Thị M và 02 (Hai) con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Ngày 26/9/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố V, tỉnh N xử phạt 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 (Mười lăm) tháng về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong bản án và đã được xóa án tích; ngày 14/9/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 11 (Mười một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chấp hành xong bản án ngày 21/08/2018, đã được xóa án tích; bị cáo Lê Xuân L bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 23/10/2024 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Ông Đậu Minh Đ, sinh năm 1979; nơi cư trú: X1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Lô Thị N; sinh năm 1980, trú tại bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

2. Ông Vy Đình N; sinh năm 1968, trú tại bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

Người làm chứng: Ông Đậu Minh U, sinh năm 1978; nơi cư trú: X1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/10/2024, bị cáo Bùi Văn T mượn của anh Đậu Minh Đ là chủ thầu đang xây dựng công trình trụ sở Công an xã H, huyện K 01 (một) chiếc đầm tay, động cơ đốt trong, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3. Ngày 13/10/2024, Bùi Văn T trả chiếc đầm nói trên cho anh Đậu Minh Đ. Tuy nhiên, do công trình của bị cáo Bùi Văn T đang có nhu cầu sử dụng máy đầm và biết được tại công trình của anh Đậu Minh Đ không có người canh gác nên Bùi Văn T nảy sinh ý định lấy trộm chiếc máy đầm mà Bùi Văn T đã trả cho anh Đậu Minh Đ. Để thực hiện ý định của mình, vào khoảng 03 giờ, ngày 14/10/2024, bị cáo Bùi Văn T nói với Lê Xuân L, là công nhân làm công cho Bùi Văn T *"Đi ra ngoài này tôi nhờ cái việc"* thì Lê Xuân L đồng ý. Sau đó, Bùi Văn T và Lê Xuân L mỗi người đi một xe máy, đi từ công trình tái định cư mà Bùi Văn T đang xây dựng ở bản X, xã M, huyện K ra theo hướng đường quốc lộ 7 về xã C, huyện Kỳ Sơn. Đến khoảng 04 giờ 40 phút, ngày 14/10/2024 thì Bùi Văn T dừng xe máy trước cổng công trường xây dựng trụ sở Công an xã H, địa chỉ tại bản N1, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An, Lê Xuân L cũng điều khiển xe tiến sát lại vị trí của Bùi Văn T và dừng lại. Lúc này, Bùi Văn T đi bộ lại cột điện bên phải công trường, rút nguồn điện Camera an ninh của công trường. Sau đó, Bùi Văn T bật đèn của máy điện thoại chiếu về vị trí tấm bạt màu trắng, sọc xanh, cách cổng công trường khoảng 3 mét và nói Lê Xuân L lại lật tấm bạt lên; Lê Xuân L đi lại lật tấm bạt lên thì thấy chiếc máy đầm nhãn hiệu HONDA mà Bùi Văn T đã mượn, rồi Bùi Văn T và Lê Xuân L cùng nhau bê chiếc máy đầm trên bỏ lên yên xe máy của Bùi Văn T và dùng dây buộc lại. Sau khi lấy trộm được máy đầm, Bùi Văn T và Lê Xuân L đưa chiếc máy đầm về cất giấu trong khu vực để vật liệu xây dựng đối diện nhà của Bùi Văn T tại bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An.

Sau khi phát hiện mất tài sản, anh Đậu Minh Đ có đơn trình báo gửi Công an xã H về việc tại công trường xây dựng trụ sở Công an xã H, địa chỉ tại bản N1, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An mà anh là tổ trưởng tổ thợ bị mất trộm 01 (một) chiếc đầm tay, động cơ đốt trong, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3.

Trong ngày 14/10/2024, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Bùi Văn T đã đến trụ sở Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kỳ Sơn để đầu thú và giao nộp 01 (một) chiếc đầm tay, động cơ đốt trong, nhãn hiệu HONDA,

số máy G100-97cm^3; 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát 37K5-2176 mà Bùi Văn T sử dụng để chở chiếc máy đầm lấy trộm.

Đối với Lê Xuân L: Mặc dù không có sự bàn bạc từ trước nhưng khi được Bùi Văn T nhờ thì đã thực hiện hành vi tích cực đó là đi theo Bùi Văn T. Khi dừng xe trước cổng công trường thì Bùi Văn T lại rút nguồn điện Camera an ninh, rồi Bùi Văn T dùng đèn của điện thoại chiếu vào tấm bạt và nói Lê Xuân L lật tấm bạt lên để tìm tài sản. Lúc này, Lê Xuân L nhận thức được hành vi của Bùi Văn T là trộm cắp tài sản và cùng với Bùi Văn T đưa tài sản trộm cắp được đi cất giấu.

Ngày 15/10/2024, Công an huyện Kỳ Sơn đã có văn bản yêu cầu định giá tài sản số 741/YC-CSĐT đề nghị Hội đồng định giá tài sản - UBND huyện Kỳ Sơn định giá 01 (một) chiếc đầm, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết.

Kết luận định giá tài sản số: 07/KL-ĐGTS ngày 17/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kỳ Sơn, kết luận: 01 (một) chiếc đầm, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3, máy cũ, đã qua sử dụng, có giá là: 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn).

Tại Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn, Bùi Văn T và Lê Xuân L thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi 01 (một) chiếc đầm, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3; máy cũ đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu anh Đậu Minh Đ. Bị cáo Bùi Văn T tự nguyện giao nộp 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát 37K5-2176, xe đã qua sử dụng, Cơ quan CSĐT Công an huyện Kỳ Sơn đã chuyển giao để bảo quản tại kho của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đậu Minh Đ đã nhận lại tài sản bị mất là 01 (một) chiếc đầm, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3; máy cũ đã qua sử dụng, bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Cáo trạng số 38/CT-VKS-KS ngày 19/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn truy tố bị cáo Bùi Văn T và Lê Xuân L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Lê Xuân L mức án từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Đậu Minh Đ đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì thêm nên miễn xét. Về vật chứng: 01 (một) chiếc đầm,

nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3; máy cũ đã qua sử dụng, Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu anh Đậu Minh Đ nên miễn xét; đối với 01(một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát 37K5-2176, là tài sản thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt và lao động sản xuất chung của cả gia đình bị cáo nên đề nghị trả lại cho gia đình bị cáo Bùi Văn T. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị hại Đậu Minh Đ vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên, quá trình điều tra đã nhận lại tài sản là 01 (một) chiếc đầm, nhãn hiệu Honda, số máy G100-97cm^3; máy cũ đã qua sử dụng, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lô Thị N vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra có đơn xin được nhận lại chiếc xe máy vì thời điểm bị cáo Bùi Văn T sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội thì chị không có ở nhà cũng không biết Bùi Văn T đi đâu và làm gì. Chiếc xe máy trên được gia đình chị mua lại với ông Vy Đình N, trú cùng bản C, xã T, chiếc xe là tài sản thiết yếu phục vụ nhu cầu sinh hoạt và lao động sản xuất chung của cả gia đình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vy Đình N; sinh năm 1968, trú tại bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra đã trình bày, năm 2003 ông có mua 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát 37K5-2176, một thời gian sau ông có bán lại cho gia đình anh Bùi Văn T là hàng xóm của gia đình, tuy nhiên anh Thịnh chưa làm thủ tục sang tên, khi đó ông đã giao đầy đủ giấy tờ xe cho anh Bùi Văn T, nay ông không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn T và Lê Xuân L đồng ý với nội dung Cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, không tranh luận gì. Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Các bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt và đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án. Do đó, sự vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra,

bị cáo Bùi Văn T và Lê Xuân L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 04 giờ 40 phút, ngày 14/10/2024 tại công trường xây dựng trụ sở Công an xã H, huyện K tại bản N1, xã H, huyện K, tỉnh Nghệ An, các bị cáo Bùi Văn T và Lê Xuân L đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, lén lút lấy trộm 01 (một) chiếc đầm tay, động cơ đốt trong, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3 của anh Đậu Minh Đ có giá trị 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn). Vì vậy, hành vi đó của các bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó của các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên phải được đưa ra xử lý nghiêm minh. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi mà các bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm cần phân hóa vai trò của các bị cáo để lên cho mỗi bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Đối với bị cáo Bùi Văn T, là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo Lê Xuân L thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu mức án cao hơn; Tuy nhiên, bị cáo Bùi Văn T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi nhận thấy hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú và giao nộp lại tài sản đã lấy trộm; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Ngoài ra, ngoài ra bố của bị cáo là ông Bùi Văn H tham gia dân công hỏa tuyến, được Đảng và Nhà nước cấp Giấy chứng nhận nên cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Xuân L mặc dù không có sự bàn bạc từ trước nhưng đã thực hiện hành vi phạm tội một cách tích cực. Bản thân Lê Xuân L đã từng bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh N xử phạt 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 (Mười lăm) tháng về tội "Trộm cắp tài sản" vào năm 2005; ngày 14/9/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh T xử phạt 11 (Mười một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; bị cáo đã chấp hành xong các bản án nêu trên, tính đến thời điểm phạm tội lần này bị cáo đã được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy những lần

phạm tội trước để làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo có ý thức coi thường pháp luật nên cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi đã thực hiện. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy trong vụ án này vai trò tham gia thực hiện hành vi phạm tội của cáo Lê Xuân L là không đáng kể, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hỗi cải, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo Bùi Văn T chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo do đó chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo và giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Thấy rằng các bị cáo lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đậu Minh Đ đã nhận lại tài sản là 01 (một) chiếc đầm, nhãn hiệu HONDA, số máy G100-97cm^3; không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[7] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát: 37K5-2176, số máy: HC08E0456045, số khung: RLHHC08012Y456138, xe không có giấy tờ, không có yếm, xe cũ đã qua sử dụng mà bị cáo Bùi Văn T sử dụng để làm công cụ, phương tiện phạm tội; Hội đồng xét thấy đây là tài sản chung của gia đình bị cáo Bùi Văn T, khi bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội gia đình không biết nên cần trả lại cho gia đình bị cáo Bùi Văn T.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T **09 (Chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18 (Mười tám)** tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024). Giao bị cáo Bùi Văn T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Xuân L **09 (Chín)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18 (Mười tám)** tháng về tội "Trộm cắp tài sản". Thời

gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024). Giao bị cáo Lê Xuân L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả lại cho gia đình bị cáo Bùi Văn T (đại diện gia đình là chị Lô Thị N; sinh năm 1980, trú tại bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An là vợ bị cáo Bùi Văn T) 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát: 37K5-2176, số máy: HC08E0456045, số khung: RLHHC08012Y456138, xe không có giấy tờ, không có yếm, xe cũ đã qua sử dụng (theo phiếu xác minh xe của Công an huyện Kỳ Sơn thì xe có đăng ký mang tên ông Vy Đình N-Bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An). Vật chứng đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19/11/2024 giữa Công an huyện Kỳ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Văn T và Lê Xuân L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/12/2024); bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS Kỳ Sơn;
- Công an huyện Kỳ Sơn;
- Bị cáo; bị hại;
- UBND xã T, huyện K;
- UBND xã T, h.T;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên